ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ HUẾ

DIỆN VÀ HÀNG THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

***Chuyên ngành*: Luật dân sự**
***Mã số*: 60 38 01 03**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

***Cán bộ hướng dẫn khoa học*: TS. NGUYỄN AM HIỂU**

***Phản biện 1*: .....**

***Phản biện 2*: .....**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại

Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục bảng, biểu đồ

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THỪA KẾ 5

1.1. Khái niệm chung 5

1.1.1. Thừa kế và quyền thừa kế 5

1.1.2. Di sản thừa kế 8

1.1.3. Người để lại di sản thừa kế 13

1.1.4. Người thừa kế 14

1.2. Diện và hàng thừa kế 16

1.2.1. Khái quát chung về diện và hàng thừa kế 16

1.2.2. Diện và hàng thừa kế theo quy định của một số nước trên thế giới.... 20

1.2.3. Tập quán của Việt Nam về thừa kế 27

1.2.4. Cơ sở của việc xác định diện và hàng thừa kế theo pháp luật..... 32

Tiểu kết chương 1 36

Chương 2: DIỆN VÀ HÀNG THỪA KẾ TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM 37

2.1. Diện thừa kế 37

2.1.1. Diện thừa kế theo quan hệ huyết thống 37

2.1.2. Diện thừa kế xét theo quan hệ hôn nhân 47

2.1.3. Diện thừa kế theo quan hệ nuôi dưỡng 59

2.2. Hàng thừa kế 70
2.2.1. Hàng thừa kế thứ nhất 70
2.2.2. Hàng thừa kế thứ hai 76
2.2.3. Hàng thừa kế thứ ba 81
2.3. Những trường hợp không được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật Việt Nam 83
Tiểu kết chương 2 89
Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ DIỆN VÀ HÀNG THỪA KẾ 90
3.1. Thực trạng giải quyết các tranh chấp về thừa kế trong những năm gần đây 90
3.2. Nguyên nhân của thực trạng diện và hàng thừa kế theo quy định pháp luật Việt Nam 99
3.3. Kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về diện và hàng thừa kế 103
3.3.1. Kiến nghị chung hoàn thiện các quy định pháp luật về thừa kế 103
3.3.2. Kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật về diện và hàng thừa kế 104
Tiều kết chương 3 110
KẾT LUẬN 111
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 113

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền thừa kế ra đời là một trong những phương thức pháp lý để bảo toàn và gia tăng tích lũy của cải trong xã hội. Nhà nước đã công nhận quyền thừa kế của cá nhân đối với tài sản, coi thừa kế là một trong những căn cứ xác lập quyền sở hữu. Điều này không chỉ có tác dụng kích thích tính tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng mà còn tạo động lực đẩy mạnh niềm say mê, kích thích sự quản lý năng động của mỗi con người tạo ra khối tài sản của mình. Khi họ chết, các tài sản của họ để lại sẽ trở thành di sản và được phân chia cho các thế hệ con cháu, sự chuyển dịch di sản theo chế định thừa kế chính là sự nối tiếp về quyền sở hữu. Pháp luật công nhận quyền thừa kế đã đáp ứng phần nào mong mỏi của con người là tồn tại mãi mãi. Chính vì thế, pháp luật thừa kế trên thế giới nói chung và pháp luật thừa kế ở Việt Nam nói riêng đã không ngừng phát triển và hoàn thiện chế định này.

Tại Việt Nam, Việt Nam, sớm nhận thức được vai trò đặc biệt quan trọng của thừa kế, nên ngay những ngày đầu mới dựng nước, các triều đại Lý, Trần, Lê cũng đã quan tâm đến ban hành pháp luật về thừa kế. Pháp luật thành văn về thừa kế ở nước ta, lần đầu tiên được quy định trong chương "*Điền sản*" của Bộ luật Hồng Đức dưới triều vua Lê Thái Tổ. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng, xây dựng CNXH ở nước ta, các quy định này đã được ghi nhận, mở rộng, phát triển và được thực hiện trên thực tế tại các Điều 19 Hiến pháp 1959 "*Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo vệ quyền thừa kế tài sản tư hữu của công dân*". Điều 27 Hiến pháp 1980 "*Nhà nước bảo hộ quyền thừa kế tài sản của công dân*", Điều 58 Hiến pháp 1992, Hiến pháp 2013... và đặc biệt là sự ra đời của Bộ luật Dân sự 1995, sau đó Bộ luật Dân sự năm 2005 đã đánh dấu một bước phát triển của pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật về thừa kế nói riêng.

Bộ luật Dân sự 2005 được xem là kết quả cao của quá trình pháp điển hoá những quy định của pháp luật về thừa kế. Nó kế thừa và phát triển những quy định phù hợp với thực tiễn, không ngừng hoàn thiện để bảo vệ quyền lợi của người thừa kế một cách có hiệu quả nhất. Hiện nay các tranh chấp về thừa kế có xu hướng ngày càng gia tăng và trở nên phức tạp hơn. Sự nhận thức không đầy đủ về pháp luật của cá nhân, sự áp dụng pháp luật không thống nhất giữa các cấp Tòa án là những yếu tố làm cho các vụ kiện gặp nhiều khó khăn, thời gian giải quyết kéo dài, ảnh hưởng không tốt đến truyền thống đạo đức tốt đẹp vốn có từ lâu đời của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, một trong những khó khăn vướng mắc lớn khi áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết tranh chấp thừa kế chính là vấn đề xác định sao cho đúng về diện và hàng thừa kế. Trước tình hình đó, việc nghiên cứu, phân tích, kiến nghị để làm sáng tỏ một số vấn đề về diện và hàng thừa kế trong chế định thừa kế theo pháp luật là một đòi hỏi tất yếu, khách quan cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn giải quyết các tranh chấp thừa kế.

2. Tình hình nghiên cứu

Do tầm quan trọng của vấn đề thừa kế nên nội dung này đã được rất nhiều nhà khoa học pháp lý quan tâm, nghiên cứu.Tiến sĩ Phùng Trung Tập đã giới thiệu với bạn đọc tác phẩm "*Thừa kế theo pháp luật của công dân Việt Nam từ năm 1945 từ trước đến nay*"; Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Điện là tác giả của cuốn "*Bình luận khoa học về thừa kế trong Bộ luật dân sự Việt Nam*"; Phó giáo sư, Tiến sĩ Đinh Văn Thanh - Trần Hữu Biền có tác phẩm "*Hỏi đáp về pháp luật thừa kế*". Ngoài ra, còn có nhiều bài viết về đề tài này được đăng tải trên sách, báo, tạp chí. Bên cạnh đó còn có nhiều cử nhân, học viên chọn nội dung thừa kế làm đề tài cho các bài tập cá

nhân, bài tập lớn hay luận văn tốt nghiệp của mình. Có công trình nghiên cứu trên phạm vi rộng mang tính toàn diện, bao quát toàn bộ chế định thừa kế, cũng có công trình chỉ một phần nhỏ của chế định thừa kế. Riêng với đề tài "**Diện và hàng thừa kế theo pháp luật Việt Nam**", tác giả tập trung nghiên cứu, làm sáng tỏ nội dung, bản chất của diện và hàng thừa kế dọc theo chiều dài lịch sử pháp luật Việt Nam qua đó đi sâu vào quy định pháp luật hiện hành về Diện và hàng thừa kế, trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị mang tính giải pháp hoàn thiện các quy định về nội dung và hình thức trong luật.

3. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đề tài tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận, nội dung, bản chất quy định của pháp luật Việt Nam về diện và hàng thừa kế. Khi nghiên cứu đề tài, tác giả sẽ tham khảo toàn bộ các quy định pháp luật của nước ta về diện và hàng thừa kế gắn với từng giai đoạn trong lịch sử theo sự phát triển của đất nước, trong các sách chuyên khảo, đặc biệt là các quy định trong Bộ luật dân sự 2005, so sánh với các quy định của một số nước trên thế giới về diện và hàng thừa kế qua đó có cái nhìn về diện và hàng thừa kế theo pháp luật hiện hành một cách tổng quát hơn, cụ thể hơn.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng các biện pháp nghiên cứu sau:

Luận văn dựa trên cơ sở lý luận về nhận thức của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, sử dụng phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử.

Bên cạnh đó còn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin có sự phối hợp với một số phương pháp như: phương

pháp thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh và phương pháp tổng hợp... để đánh giá tổng thể các vấn đề cần nghiên cứu.

5. Mục đích, nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài

Việc nghiên cứu đề tài nhằm làm sáng tỏ nội dung và bản chất của diện và hàng thừa kế theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở đó, xác định đúng, chính xác về diện và hàng thừa kế cũng như thứ tự hưởng ưu tiên theo quy định của pháp luật thừa kế từng giai đoạn lịch sử nhất định và đặc biệt là BLDS năm 2005.

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả rút ra những vướng mắc còn tồn tại khi áp dụng quy định của pháp luật về diện và hàng thừa kế. Từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị mang tính giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại, góp phần hoàn thiện hơn các quy định về thừa kế.

6. Những kết quả nghiên cứu mới của luận văn

Từ trước đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực thừa kế. Có những công trình khoa học nghiên cứu vấn đề nội dung này một cách toàn diện, bao quát, nhưng cũng có những công trình chỉ nghiên cứu một khía cạnh nhỏ của chế định thừa kế.

Đề tài luận văn này không phải là đề tài nghiên cứu mới. Đã có những tác giả chọn để làm công trình nghiên cứu riêng của mình ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên khi chọn đề tài nghiên cứu này tác giả nghiên cứu một cách chi tiết về từng diện và từng hàng thừa gắn với từng quy định của mỗi giai đoạn lịch sử phát triển của đất nước. Trên cơ sở đó, tác giả so sánh với các quy định của một số nước quy định về diện và hàng thừa kế qua đó làm sáng tỏ những quy định của pháp luật hiện hành và tìm ra những vướng mắc còn tồn tại trên thực tế và đề xuất kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật Việt Nam về diện và hàng thừa kế.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát chung về thừa kế

Chương 2: Diện và hàng thừa kế trong các quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương 3: Thực tiễn áp dụng pháp luật và phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thừa kế.

Chương 1
KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THỪA KẾ

1.1. Khái niệm chung

1.1.1. Thừa kế và quyền thừa kế

Quyền thừa kế là tổng thể các quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh việc chuyển dịch tài sản của người chết cho cá nhân, tổ chức theo di chúc hoặc theo pháp luật, cũng như quy định phạm vi quyền, nghĩa vụ, phương thức bảo vệ các quyền và nghĩa vụ của người thừa kế và được thực hiện theo những trình tự thủ tục nhất định.

Thừa kế là sự dịch chuyển tài sản của một người đã chết sang cho người còn sống theo những trình tự luật định. Quyền thừa kế của một cá nhân gắn bó chặt chẽ với quyền sở hữu của cá nhân đó. Quyền sở hữu là tiền đề, là cơ sở của quyền thừa kế và ngược lại, quyền thừa kế là căn cứ thiết lập quyền sở hữu mới. Vì vậy, hệ thống pháp luật dân sự của tất cả các nước trên thế giới bao giờ cũng quy định về vấn đề thừa kế như là một phương thức bảo đảm quyền sở hữu của chủ sở hữu.

1.1.2. Di sản thừa kế

Như vậy, di sản là toàn bộ những tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người đã chết cũng như các quyền về tài sản của người đó bao gồm: Tư liệu sinh hoạt; Tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được dùng làm đồ trang sức hoặc dùng làm của cải để dành, tiền tiết kiệm ngân hàng, tiền lương, tiền thưởng chưa lĩnh; Nhà ở thuộc sở hữu của người chết; Vốn, cổ phần, vật tư, tư liệu sản xuất của người chết; Tài liệu, dụng cụ máy móc của người làm công tác nghiên cứu; Cây cối mà người được giao sử dụng đất trồng và hưởng lợi trên đất đó; Các quyền về tài sản đó là quyền đòi nợ đồ vật đã cho mượn, cho thuê, chuộc lại tài sản đã cầm cố, quyền đối với tài sản đã thế chấp, đã bồi thường thiệt hại về tài sản, hưởng những quyền lợi của tác giả hoặc chủ sở hữu văn bằng, bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả đối với tác phẩm.

1.1.3. Người để lại di sản thừa kế

Quyền để lại thừa kế là một quyền cơ bản của cá nhân được pháp luật Việt Nam ghi nhận và bảo hộ. Pháp luật bảo hộ quyền sở hữu của mọi công dân đối với những thu nhập hợp pháp của mình. Theo đó bất kỳ ai cũng có quyền quyết định đối với các loại tài sản thuộc quyền sở hữu riêng của mình. Vì thế cá nhân có quyền lập di chúc cho người khác hưởng tài sản thuộc quyền sở hữu riêng của mình sau khi mình chết, nếu không có di chúc thì tài sản này được chia theo pháp luật.

1.1.4. Người thừa kế

Người thừa kế là người hưởng di sản thừa kế theo di chúc hoặc theo quy định của pháp luật. Người thừa kế theo di chúc có thể là cá nhân, tổ chức nhưng người thừa kế theo pháp luật chỉ có thể là cá nhân và phải có quan hệ hôn nhân, gia đình hoặc nuôi dưỡng đối với người để lại di sản.

Giữa người để lại di sản và người thừa kế có các quyền và nghĩa vụ pháp lý với nhau. Người thừa kế có quyền sở hữu đối với phần di sản thừa kế, đồng thời họ phải gánh vác những nghĩa vụ tài sản của người để lại di sản.

1.2. Diện và hàng thừa kế

1.2.1. Khái quát chung về diện và hàng thừa kế

** Diện thừa kế*

diện thừa kế bao gồm các cá nhân còn sống có quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng với người để lại di sản được tính đến thời điểm mở thừa kế của người đó và những cá nhân sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Phạm vi những cá nhân thuộc diện thừa kế được xác định theo số người được pháp luật chỉ định trong các hàng thừa kế theo pháp luật của người để lại di sản.

**** Hàng thừa kế***

Hàng thừa kế là những nhóm, người thừa kế được pháp luật xếp trong cùng một hàng. Việc chia hàng thừa kế có ý nghĩa thiết thực, đảm bảo để những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước đó đã chết, hoặc do không có quyền hưởng di sản; hoặc bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

1.2.2. Diện và hàng thừa kế theo qui định của một số nước trên thế giới

Đặc điểm chung của diện và hàng thừa kế của một số nước trên thế giới tiêu biểu trong đó là Pháp, Nhật Bản, Thái Lan.

Thứ nhất, Pháp luật thừa kế các nước nói trên luôn chú trọng bảo vệ quyền thừa kế của những người có quan hệ huyết thống với người để lại di sản. Quan hệ hôn nhân không được xem xét trong việc xác định chủ thể có

quyền thừa kế một cách độc lập, mà luôn bị chi phối bởi quan hệ huyết thống, sự chi phối đó được thể hiện ở vị trí hưởng di sản của người vợ goá, chồng goá được hưởng phần di sản nhiều hay ít đều phụ thuộc vào vị trí của người vợ goá, người chồng goá đó được thừa kế ở hàng nào cùng những người có quan hệ huyết thống của người chết.

Thứ hai, pháp luật thừa kế của các nước đều quy định các hàng thừa kế theo pháp luật và đều có đặc điểm chung là hàng thừa kế xen kẽ với bậc thừa kế. Thừa kế theo bậc được thực hiện khi người thuộc hàng thừa kế được hưởng di sản đã chết trước hoặc chết trong cùng một thời điểm với người để lại di sản, thì các con (các cháu) của người đó được hưởng di sản, họ được gọi là người thừa kế đại diện.

1.2.3. Tập quán của Việt Nam về thừa kế

Tập quán pháp là các quy phạm xã hội được thể hiện dưới dạng các phong tục hay tập quán, đã được sử dụng để điều chỉnh các quan hệ xã hội trước đó, còn tiếp tục có tác dụng điều chỉnh trong xã hội, là cơ sở để hình thành nên các quy tắc xử sự chung và được nhà nước bảo đảm thực hiện.

1.2.4. Cơ sở của việc xác định diện và hàng thừa kế theo pháp luật

Các quan hệ huyết thống, hôn nhân, nuôi dưỡng là những quan hệ tình cảm có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Pháp luật nước ta dựa vào ba quan hệ này để xác định diện và hàng thừa kế theo pháp luật. Ba mối quan hệ này có tính độc lập tương đối vì quan hệ này là tiền đề của quan hệ kia. Tuy nhiên, từng quan hệ được xác định theo quy định của pháp luật giữa người để lại di sản và người thừa kế. Có sự xác định những người thừa kế theo pháp luật giúp ngăn chặn được sự mất đoàn kết trong dòng tộc và có tác dụng giáo dục ý thức sống, ý thức pháp luật cho những người thừa kế.

Chương 2

DIỆN VÀ HÀNG THỪA KẾ TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2.1. Diện thừa kế

2.1.1. Diện thừa kế theo quan hệ huyết thống

Sự ổn định và bền vững trong quan hệ của các thành viên trong gia đình, dòng tộc và để bảo vệ hiệu quả hơn quyền thừa kế của công dân nên quan hệ huyết thống luôn luôn là căn cứ quan trọng để xác định diện thừa kế theo quy định của pháp luật. Để tạo điều kiện thắt chặt mối quan hệ của những người ruột thịt, tạo sợi dây tình cảm giữa những người thân trong gia đình đồng thời khuyến khích mọi người thực hiện tốt các quy định của pháp luật nên các nhà làm luật đã xây dựng diện thừa kế dựa trên cơ sở huyết thống. Mặt khác, pháp luật nước ta coi gia đình là tế bào của xã hội, việc tạo cho gia đình đầm ấm hạnh phúc sẽ góp phần làm xã hội ổn định và việc bảo vệ các mối quan hệ trong gia đình cũng là củng cố nền móng của xã hội.

2.1.2. Diện thừa kế xét theo quan hệ hôn nhân

Quan hệ hôn nhân là quan hệ khởi nguồn và bắt đầu để tạo ra các gia đình - Các tế bào của xã hội. Vì vậy, quan hệ hôn nhân luôn được pháp luật coi trọng và bảo vệ. Quan hệ hôn nhân được thiết lập trên cơ sở có sự kết hôn giữa nam và nữ. Việc kết hôn không chỉ gắn bó giữa hai người với nhau về tình cảm mà còn làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa hai người trong đó có quyền thừa kế. Pháp luật ghi nhận và bảo vệ cho vợ chồng thuộc diện thừa kế theo pháp luật của nhau nhằm mục đích duy trì quan hệ tình cảm đồng thời tạo cơ sở để tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình.

2.1.3. Diện thừa kế theo quan hệ nuôi dưỡng

Theo quy định của pháp luật con nuôi thuộc diện thừa thừa kế theo pháp luật của bố mẹ nuôi và ngược lại. Bên cạnh đó, con riêng của vợ, của chồng với cha kế, mẹ kế trong một số trường hợp cũng thuộc diện thừa kế theo pháp luật của nhau. Những trường hợp nêu trên không bị ràng buộc với nhau bởi quan hệ hôn nhân hay quan hệ huyết thống. Cơ sở để xác lập quan hệ thừa kế theo pháp luật giữa họ với nhau là quan hệ nuôi dưỡng. Quan hệ nuôi dưỡng là sự thể hiện nghĩa vụ chăm sóc nhau, nuôi dưỡng nhau giữa những người thân thuộc theo quy định của pháp luật. Khác với quan hệ giữa cha mẹ đẻ và con đẻ, quan hệ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi không phải xác định trên cơ sở huyết thống mà được xác định trên cơ sở pháp lý về nuôi dưỡng nhau. Những quyền lợi và nghĩa vụ trong quan hệ thừa kế giữa con nuôi với cha mẹ nuôi lại được xác định như giữa cha mẹ đẻ với con đẻ. Con nuôi thuộc diện thừa kế theo pháp luật của cha mẹ nuôi. Quy định này đã có ngay trong pháp luật thời kỳ phong kiến và được tiếp tục duy trì cho đến ngày nay.

Tóm lại, các quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng là những quan hệ tình cảm có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Pháp luật nước ta dựa vào ba quan hệ này để xác định diện thừa kế theo pháp luật. Và hiện nay những quy định của BLDS năm 2005 về diện thừa kế ngày càng hoàn chỉnh theo hướng ngày càng mở rộng phạm vi người có quyền hưởng di sản. Đây là sự mở rộng cần thiết nhằm đảm bảo sự bền vững của quan hệ hôn nhân, sự phát triển mạnh mẽ của dòng họ, và duy trì được những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

2.2. Hàng thừa kế

2.2.1. Hàng thừa kế thứ nhất

Ta có thể nhận thấy rằng, hiện nay việc quy định những người ở

hàng thừa kế thứ nhất bao gồm vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết là phù hợp với đạo đức truyền thống của gia đình Việt Nam. Quy định này còn được xây dựng trên nền tảng gia đình hiện đại, đó là sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình để cùng xây dựng một cuộc sống đảm bảo cả về mặt vật chất lẫn tinh thần, vợ chồng có bổn phận và trách nhiệm cùng nhau duy trì cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái. Con cái có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc bố mẹ lúc đau yếu là những nét văn hóa mang tính nhân văn tốt đẹp trong gia đình Việt Nam ngày nay.

2.2.2. Hàng thừa kế thứ hai

Những người thừa kế thuộc hàng thứ hai được hưởng di sản như nhau theo pháp luật. Giữa những người thừa kế ở hàng thứ hai là những người có mối quan hệ thân thuộc đối với người chết, trong đó có những người thuộc bề trên, có những người cùng bậc, có những người là bề dưới của người để lại di sản. Việc quy định ông, bà, anh, chị, em ruột, cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại thuộc hàng thừa kế thứ hai của người để lại di sản sự phù hợp với nguyên tắc của pháp luật thừa kế dựa trên quan hệ huyết thống nuôi dưỡng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của họ đối với nhau cả khi còn sống cũng như khi họ chết đi.

2.2.3. Hàng thừa kế thứ ba

BLDS năm 2005 đã có sự thay đổi kịp thời so với PLTK năm 1990 cũng như BLDS năm 1995. Ngoài việc tiếp tục ghi nhận cụ nội, cụ ngoại của người chết, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết, cháu ruột của người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột thuộc hàng thừa kế thứ ba, còn tiếp tục bổ sung chắt cũng thuộc hàng thừa kế thứ ba của cụ nội, cụ ngoại.

2.3. Những trường hợp không được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật Việt Nam

**** Trường hợp người không được quyền nhận di sản***

Là những trường hợp người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật bị tước quyền hưởng di sản vì họ không xứng đáng được hưởng quyền đó. Khoản 1, Điều 643, BLDS năm 2005 quy định những trường hợp sau đây không được quyền hưởng di sản.

**** Trường hợp người thừa kế từ chối nhận di sản***

Điều 642, BLDS năm 2005 quy định về việc người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản từ thời điểm mở thừa kế. Nếu người thừa kế theo pháp luật được thừa kế theo di chúc mà từ chối nhận di sản theo di chúc thì họ vẫn có quyền thừa kế theo pháp luật. Pháp luật quy định người thừa kế không bắt buộc phải nhận thừa kế.

**** Trường hợp người thừa kế bị truất quyền hưởng di sản***

Theo quy định tại Điều 648, BLDS năm 2005, người để lại di sản có quyền lập di chúc truất quyền hưởng di sản của những người mà theo quy định của pháp luật họ sẽ được hưởng thừa kế khi người để lại di sản chết. Pháp luật tôn trọng quyền tự định đoạt của người để lại di sản. Họ có quyền để lại di chúc để cho một người hưởng một phần hay toàn bộ di sản, hoặc cho hưởng ít hơn phần lẽ ra người thừa kế được hưởng. Đặc biệt hơn họ còn có thể truất bỏ quyền thừa kế của người thừa kế. Thực tế người không được chỉ định trong di chúc vẫn có quyền thừa kế tài sản của người chết theo pháp luật đối với những phần tài sản chưa được định đoạt trong di chúc hoặc người thừa kế theo di chúc không nhận phần di sản theo di chúc thì phần tài sản này được cho những người thừa kế khác không có tên trong di chúc.

**** Trường hợp người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc***

Nhằm đảm bảo lợi ích của một số các thành viên trong gia đình, pháp luật quy định một số trường hợp thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc. Điều 669, BLDS năm 2005 gồm: "*Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng hoặc con đã thành niên mà không có khả năng lao động*" những người này được hưởng di sản bằng 2/3 suất của một người thừa kế theo luật nếu họ không thuộc trường hợp từ chối nhận di sản hoặc không có quyền hưởng di sản.

Chương 3
THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ DIỆN VÀ HÀNG THỪA KẾ

3.1. Thực trạng giải quyết các tranh chấp về thừa kế trong những năm gần đây

Chế định thừa kế trong BLDS năm 2005 được đánh giá là ngày một hoàn thiện, nhiều nội dung mới được luật hóa từng bước đáp ứng yêu cầu xã hội. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành các quy định pháp luật về thừa kế vẫn còn những vướng mắc, có nhiều quan điểm, cách hiểu trái ngược nhau về các quy định dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất. Bên cạnh đó, một số quy định về thừa kế đã không được xây dựng đầy đủ trên nền tảng văn hóa, phong tục, tập quán của Việt Nam, dẫn đến phát sinh nhiều bất cập trong thực tiễn áp dụng.

Kết quả báo cáo của Dự án khảo sát "*Thực tiễn thi hành một số chế định của Bộ luật Dân sự 2005 phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật dân sự*" theo Quyết định số 2226/QĐ-BTP ngày 10/08/2011 của

Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt cho thấy thực tiễn giải quyết tranh chấp thừa kế tại tòa án các tranh chấp liên quan đến thừa kế chiếm khoảng 20-25% số lượng tranh chấp dân sự được tòa án giải quyết, đặc biệt là số lượng các tranh chấp về thừa kế ở TP HCM cao nhất trong các tỉnh (2758 vụ chiếm 66.7%), tiếp đến là Hà Nội (868 vụ chiếm 21%); Lạng Sơn là tỉnh có số lượng tranh chấp về thừa kế thấp nhất (38 vụ chiếm 1%) có xu hướng cao hơn hẳn các tranh chấp ở các tỉnh, thành phố khác.

Theo thống kê số lượng vụ án giải quyết tranh chấp thừa kế của TANDTC từ năm 2006 – 2013 cho thấy tình hình thụ lý và giải quyết các tranh chấp thừa kế trong những năm gần đây (từ năm 2006 đến 2013) diễn biến rất phức tạp, tăng giảm thất thường, tỷ lệ vụ án phải giải quyết ngày một nhiều hơn tuy nhiên tỷ lệ tổng các vụ án được giải quyết các vụ án không tăng, số vụ án còn tồn đọng nhiều. Tiêu biểu như năm 2013 tổng số vụ án phải giải quyết là 3232 vụ tăng 116 vụ so với năm 2012, tuy nhiên số vụ án được giải quyết năm 2013 thấp hơn so với 2012 là 7 vụ, tổng số vụ án còn tồn đọng chưa giải quyết nhiều hơn so với năm 2013 là 123 vụ. Trong các năm gần đây, tốc độ giải quyết tranh chấp thừa kế có chiều hướng giảm. Có nhiều nguyên nhân khác nhau như án tranh chấp thừa kế ngày càng phức tạp, số lượng người thuộc diện thừa kế đông, cư trú ở nhiều địa phương khác nhau, thậm chí ở nước ngoài, việc lấy ý kiến của họ gặp rất nhiều khó khăn; thái độ không chấp hành pháp luật của một số đương sự có tính chất quyết liệt hơn, khó thỏa thuận hơn. Trong quá trình nghiên cứu tác giả nhận thấy trên thực tế chủ thể tranh chấp di sản thừa kế tuyệt đại đa số là các cá nhân, đối tượng tranh chấp chủ yếu là quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất như nhà ở, cây lâu năm một số khác là tiền, vàng, đồ dùng sinh hoạt cá nhân… Việc tranh

chấp thừa kế yếu tố tình cảm gia đình được đề cao nên tranh chấp thừa kế thường được giải quyết trong phạm vi gia đình, chỉ tới khi tranh chấp đó tới đỉnh điểm không thể tự thỏa thuận, hòa giải với nhau buộc những cá nhân, tổ chức được thừa kế và những người có liên quan khác mới gửi đơn lên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên cạnh đó, việc các văn bản hướng dẫn còn thiếu, không đồng bộ có ảnh hưởng lớn đến việc áp dụng vào giải quyết các vụ án cụ thể (những qui định liên quan đến di sản là quyền sử dụng đất, liên quan đến diện hưởng thừa kế là con nuôi, con riêng...). Do vậy, mặc dù đã có rất nhiều cố gắng nhưng việc xét xử các vụ án tranh chấp thừa kế của tòa án có tỉ lệ giải quyết án chưa cao, còn chậm, còn có vụ án bị kéo dài.

3.2. Nguyên nhân của thực trạng diện và hàng thừa kế theo quy định pháp luật Việt Nam

Thứ nhất: Trình độ hiểu biết về pháp luật của nhân dân còn thấp, đặc biệt là trong quan hệ thừa kế tài sản nói riêng và thừa kế quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất nói riêng. Nhiều nơi chịu nhiều ảnh hưởng của các phong tục tập quán lạc hậu. Nhà cửa, đất đai (di sản của người chết) thường do người con trai trưởng quản lý. Trong suy nghĩ của mọi người, người con trưởng đương nhiên sẽ thừa kế tất cả đất đai, nhà cửa do cha mẹ để lại; những người con gái đã lập gia đình hoặc chưa lập gia đình thường không biết họ là người đứng cùng hàng thừa kế với người anh trai hoặc em trai và cùng được hưởng phần di sản như nhau. Chưa kể đến việc người con nuôi được hưởng di sản của bố, mẹ nuôi; người con riêng có thể được hưởng di sản của cha dượng, mẹ kế. Sau một thời gian rất dài họ mới hiểu được phần nào vấn đề này và mới khởi kiện yêu cầu phân chia thừa kế. Lúc này giá trị nhà, đất đã thay đổi rất nhiều so với thời điểm mở thừa kế.

Hơn nữa, trong khoảng thời gian này, rất nhiều trường hợp người thừa kế đang sử dụng quyền sử dụng nhà, đất (thuộc di sản) đã sửa chữa, cải tạo, làm mới, thậm chí đã chuyển nhượng một phần di sản đó. Nên việc xác định giá trị di sản, phân chia di sản, đánh giá công sức, xác định người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gặp rất nhiều khó khăn, thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài.

Thứ hai: Nguyên nhân từ các chủ thể trong quan hệ thừa kế. Người dân còn e ngại vào việc tham gia tố tụng dân sự, do thời gian tố tụng kéo dài, tốn kém về tiền bạc ảnh hưởng tới thời gian làm việc, sinh hoạt công dân. Mặt khác các tranh chấp về thừa kế nói chung thừa kế theo pháp luật nói riêng không chỉ gây thiệt hại về vật chất mà còn gây thiệt hại sâu sắc về tình cảm của các thành viên trong gia đình do truyền thống của nhân dân ta từ trước đến nay rất tôn trọng truyền thống đạo đức tình cảm do vậy các tranh chấp thường được giải quyết bằng yếu tố tình cảm. Quá trình đang xử lý do yêu cầu các đương sự nên vụ việc cũng làm kéo dài thời gian giải quyết tranh chấp.

Thứ ba: Trong điều kiện tác động của nền kinh tế thị trường, con người ngày càng coi trọng giá trị của đồng tiền hơn. Điều đó tác động tới các quan hệ thừa kế liên quan đến di sản có giá trị lớn: nhà, đất; số vốn lớn dùng trong kinh doanh, đầu tư... nên khi Tòa án các cấp đưa vụ án ra xét xử, quyết định của bản án có ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi của những người thừa kế, do đó không tránh khỏi hiện tượng phần lớn các đương sự tìm cách chống đối, nhằm mục đích làm thay đổi quyết định của bản án hoặc kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Trong khi chế tài áp dụng khi giải quyết các tranh chấp dân sự còn đơn giản thì hiện tượng nêu trên cũng tạo thêm sự phức tạp, kéo dài trong việc giải quyết tranh chấp thừa kế. Ngoài

ra hiện nay đối tượng di sản thừa kế không chỉ dừng lại ở tài sản là nhà, đất mà sẽ mở rộng ở nhiều đối tượng tài sản có giá trị khác (trị giá vốn đầu tư, kinh doanh, cổ phiếu, trái phiếu...) Hơn nữa kinh tế ngày càng phát triển một phần sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình; ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ nuôi con nuôi; mối quan hệ giữa con riêng với bố dượng, mẹ kế. Làm cho các mối quan hệ này phong phú thêm, nhưng cũng sẽ nảy sinh nhiều sự phức tạp mới. Điều này cũng góp phần làm cho loại án tranh chấp về quyền thừa kế tăng thêm, phức tạp thêm.

Thứ tư: Hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ thừa kế nói chung, diện và hàng thừa kế nói riêng còn tương đối "mỏng", tồn tại khá nhiều các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực này nhưng không có văn bản hướng dẫn kịp thời điều chỉnh, điều đó tạo cho các Tòa án gặp rất nhiều khó khăn trong việc giải quyết các tranh chấp về thừa kế. Các quy định của pháp luật về thừa kế có tính ổn định không cao của pháp luật dân sự, chế độ tài sản ở Việt Nam chưa minh bạch đặc biệt là pháp luật đất đai, dẫn đến đường lối giải quyết các tranh chấp không ổn định, mỗi lần pháp luật có thay đổi lớn gây ra những lúng túng trong việc áp dụng, đặc biệt trong quan điểm giải quyết của các ngành, các thẩm phán… do vậy không ít bản án bị cải, sửa, hủy gây kéo dài thời gian giải quyết và tốn kém tiền bạc của nhân dân. Nhiều thẩm phán đã kiến nghị để áp dụng thống nhất và tránh những tranh chấp xảy ra trên thực tế, cần phải có sự hướng dẫn cụ thể về việc con riêng và bố dượng, mẹ kế có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con là như thế nào? Cụ thể là hướng dẫn về phạm vi chăm sóc, nuôi dưỡng; thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng; độ tuổi... Sự hướng dẫn cụ thể về một số tiêu chí xác định quan hệ "như cha con, mẹ

con" sẽ là cơ sở để các thẩm phán vận dụng, tránh việc xem xét mối quan hệ trên theo ý chí chủ quan và đôi khi không đáp ứng quyền lợi của các bên trong quan hệ thừa kế giữa con riêng và bố dượng, mẹ kế.

Thứ năm: Công tác quản lý nhân thân còn sai xót, chồng chéo giấy tờ khai sinh, khai tử, thất lạc hoặc cấp đi cấp lại, thay đổi họ tên thiếu thống nhất. Dẫn đến tình trạng xác định nguồn gốc di sản, xác định diện và hàng thừa kế của những người thừa kế gặp rất nhiều khó khăn.

Thứ sáu: Việc áp dụng các quy định của pháp luật vào thực tiễn còn thiếu thống nhất, thiếu tính linh hoạt, mềm dẻo. Có cơ quan này thì áp dụng cứng nhắc yêu cầu các tài liệu một cách dập khuôn, máy móc làm ảnh hưởng tới các quyền lợi của đương sự. Bên cạnh đó trình độ hiểu biết pháp luật của các cơ quan áp dụng pháp luật chất lượng còn kém, đặc biệt là các quận, huyện vùng sâu vùng xa, chưa bắt kịp với nhu cầu thực té phát sinh. Do vậy ảnh hưởng trực tiếp tới việc thu thập, đánh giá chứng cứ cũng như việc áp dụng các văn bản pháp luật còn thiếu chặt chẽ, sâu sắc và thiếu thống nhất giữa các cơ quan chuyên môn; việc giải quyết vụ án thiếu tính thuyết phục ảnh hưởng tới thời gian giải quyết của các vụ án bị kéo dài.

3.3. Kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật về diện và hàng thừa kế

3.3.1. Kiến nghị chung hoàn thiện các quy định pháp luật về thừa kế

Thứ nhất: Việc tuyên truyền, phổ cập, giáo dục pháp luật trong nhân dân, nâng cao năng lực nghiệp vụ, trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ xét xử cũng là một trong những đòi hỏi bức thiết nhằm hạn chế tranh chấp và nâng cao chất lượng giải quyết các tranh chấp về thừa kế tại Toà án đặt trong tổng thể thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước hiện nay.

Thứ hai: BLDS thiên về hướng dẫn cách xử sực chung cho công dân, nhưng hầu hết các quy định trong thừa kế lại có tính rứt khoát, có những quy định chưa sát với tâm lý, tập quán của người dân; trong khi người dân chưa hiểu biết về các quy định này, không hành xử đầy đủ như luật yêu cầu về hình thức hay thủ tục thực hiện các quyền họ được hưởng. Dù nội dung là đúng ý chí của họ dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng pháp luật, thậm chí có trường hợp áp dụng thực tế cuộc sống chứ không theo các quy định của pháp luật (vấn đề từ chối nhận di sản Điều 645 BLDS năm 2005). Vì vậy khi quy định phải tính đến yếu tố tâm lý và trình độ dân trí của người dân nói chung.

Thứ ba: Cần quy định trong BLDS rõ hơn nữa về chủ thể trong quan hệ thừa kế mà người thừa kế là cơ quan, tổ chức đặc biệt là cá nhân, tổ chức nước ngoài.

Thứ tư: Đối với di sản là đất đai và tài sản gắn liền với đất đai như nhà ở, cây lâu năm…, các cơ quan nhà nước nói chung và các UBND các cấp thực hiện tốt công tác lưu trữ hồ sơ, tài liệu về đất đai, làm cơ sở cho đương sự thu thập chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình cũng như Tòa án có căn cứ để xác minh đối chiếu tài liệu chứng cứ mà các đương sự giao nộp khi giải quyết. Nâng cao hơn nữa trình độ năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ địa chính cơ sở. Đồng thời khẩn trương hoàn thiện đo đạc, xác định ranh giới quyền sử dụng đất, thực hiện công tác cấp sổ đỏ cho nhân dân để giảm thiểu nảy sinh tranh chấp cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Tòa án giải quyết khi có tranh chấp phát sinh.

3.3.2. Kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật về diện và hàng thừa kế

Thứ nhất: Đưa khái niệm "*Diện những người thừa kế theo luật*" thành một điều trong chương thừa kế của BLDS.

Tên của điều luật: Diện những người thừa kế theo pháp luật.

Nội dung của điều luật: Diện những người thừa kế theo pháp luật là những người có thể được hưởng di sản của người chết để lại theo quy định của pháp luật, bao gồm: những người có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng với người đã chết.

Thứ hai: Cần ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn xử lý và giải quyết dứt điểm các tranh chấp còn tồn tại về diện và hàng thừa kế. Diện và hàng thừa kế theo pháp luật có liên quan trực tiếp đến nhiều ngành luật như Luật nuôi con nuôi, Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy yêu cầu thiết yếu rằng khi ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn giải quyết các trường hợp về thừa kế thì cần thiết nghiên cứu đồng bộ tất cả các văn bản có liên quan để có hệ thống văn bản pháp luật thống nhất.

Thứ ba: Cần có văn bản hướng dẫn về quan hệ thừa kế giữa con riêng và bố dượng, mẹ kế. Để thuận tiện trong việc áp dụng và tránh những tranh chấp xảy ra trên thực tế, cần phải có sự hướng dẫn cụ thể về việc con riêng và bố dượng, mẹ kế có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con là như thế nào? Cụ thể là hướng dẫn về phạm vi chăm sóc, nuôi dưỡng; thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng; độ tuổi... Sự hướng dẫn cụ thể về một số tiêu chí xác định quan hệ "như cha con, mẹ con" sẽ là cơ sở để các thẩm phán vận dụng, tránh việc xem xét mối quan hệ trên theo ý chí chủ quan và đôi khi không đáp ứng quyền lợi của các bên trong quan hệ thừa kế giữa con riêng và bố dượng, mẹ kế.

Thứ tư: Cần có văn bản hướng dẫn về việc thừa kế thế vị trong mối quan hệ nuôi con nuôi và con riêng với bố dượng, mẹ kế.

Thứ năm: Cần thiết công nhận hình thức án lệ. Việt Nam là một nước mang truyền thống pháp luật dân sự (Civil Law), có nghĩa là án lệ

không phải là nguồn luật áp dụng ở Việt Nam, do đó nó không mang tính ràng buộc đối với Toà án. Tuy nhiên, trên thực tế, án lệ có vai trò hỗ trợ cho việc áp dụng luật một cách thống nhất, đồng bộ trên toàn lãnh thổ. Đặc biệt là đối với những quan hệ phát sinh nhưng chưa có qui định pháp luật điều chỉnh, hoặc đã có qui định của pháp luật nhưng hoặc không đầy đủ hoặc thiếu cụ thể, hoặc không phù hợp với thực tế. Vì thế, khi có tranh chấp, chưa có cơ sở để đưa ra phán quyết hoặc cơ sở để đưa ra phán quyết không rõ ràng. TANDTC cần ban hành các tập án lệ điển hình để đảm bảo việc áp dụng thống nhất pháp luật của Toà án. Cùng một sự kiện, cùng một vụ án giống nhau thì phải được xét xử như nhau, đây cũng là việc làm phù hợp với xu hướng áp dụng án lệ ngày nay của các nước mang truyền thống pháp luật dân sự (Civil Law), ví dụ ở Pháp, Tây Ban Nha, Liên bang Đức, Mêxicô, Nhật Bản.

KẾT LUẬN

Việc xác định chính xác diện và hàng thừa kế có ý nghĩa pháp lý quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp về quyền thừa kế. Việc nghiên cứu những quy định của pháp luật về diện và hàng thừa kế giúp chúng ta hiểu đúng, hiểu rõ hơn về những người thừa kế của người chết gồm những người thân thích của người để lại di sản cũng như thứ tự ưu tiên hưởng di sản thừa kế theo pháp luật.

BLDS năm 2005 được coi là văn bản cơ bản quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác; bảo đảm sự bình đẳng và an toàn pháp lý trong quan hệ dân sự, góp phần tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Các quy định về thừa kế trong BLDS của

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đánh dấu bước phát triển mới của ngành luật dân sự nói chung và pháp luật thừa kế nói riêng. BLDS 2005 là kết quả của quá trình pháp điển hóa những quy định của pháp luật dân sự ở Việt Nam. Trong đó có những quy định về thừa kế trong những năm qua.

Đáp ứng tính cấp thiết của đề tài, luận văn đã tập trung phân tích và làm rõ các nhiệm vụ của đề tài: nghiên cứu làm rõ các khái niệm về diện và hàng thừa kế, phân tích, tìm hiểu pháp luật thừa kế về diện và hàng thừa kế qua các thời kỳ lịch sử, phân tích, đánh giá, so sánh với pháp luật diện và hàng thừa kế trong BLDS năm 2005. Từ đó tác giả phân tích thực tiễn giải quyết tranh chấp về thừa kế nói chung và thừa kế theo pháp luật nói riêng, thông qua các vụ án của Tòa án đã giải quyết đánh giá tính áp dụng thực tế của Tòa án. Qua đó làm rõ những quy định còn bất cập, chưa hợp lý. Trên cơ sở đó luận văn đưa ra các kiến nghị, đề xuất hoàn thiện các quy định của pháp luật để giải quyết các tranh chấp thừa kế theo pháp luật phù hợp với thực tế nhằm nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án các cấp.

Nhiều vấn đề đề cập trong luận văn này còn ở phạm vi hẹp. Tuy nhiên, thực tiễn luôn phức tạp và có những biến đổi khó lường. Để có thể giải quyết triệt để các vấn đề đã nêu trong luận văn đòi hỏi phải có sự đầu tư nghiên cứu sâu hơn nữa về lý luận cũng như thực tiễn, do đó luận văn không tránh khỏi những thiếu xót. Tác giả mong nhận được các ý kiến đóng góp để hoàn thiện thêm đề tài nghiên cứu của mình.